

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

# VỀ VIỆC XÁC ĐỊNH TRỌNG ÂM TỪ TIẾNG ANH ĐỐI VỚI HỌC VIÊN VIỆT NAM IDENTIFYING ENGLISH WORD STRESS TO VIETNAMESE LEARNERS

TRẦN THỊ THANH DIỆU

(ThS, Khoa Ngữ văn Anh, Đại học KHXH &amp; NV, TP HCM)

## Abstract

Based on the syllable importance, the word classification on the foundation of morphological level, the grammatical category and the number of syllables existing in a word, the research briefly systemizes English word stress rules, and common word stress mistakes illustrated by experimental phonetics, and relevant solution recommended, as well.

## 1. Mở đầu

Trọng âm được hiểu khái quát là sự tăng cường sự khác biệt bằng những cách khác nhau, nhằm nêu bật một (hoặc một số) đơn vị nào đó so với những đơn vị khác trong chuỗi lời nói: Trọng âm câu nêu bật một từ trong câu, còn trọng âm từ nêu bật một âm tiết trong từ [6]. Điều đó đặc biệt thấy rõ trong trường hợp tăng cường sự khác biệt đối với một âm tiết so với những âm tiết còn lại, trong từ ở các ngôn ngữ đa tiết như tiếng Anh. Trọng âm từ tiếng Anh có chức năng rất quan trọng trong việc giúp người nghe nhận ra các thông tin cần được truyền tải trong từ, như từ loại, ngữ nghĩa của từ.

Trên cơ sở khảo sát và minh họa bằng ngữ âm thực nghiệm, bài viết có mục đích **đơn giản hóa các nguyên tắc phức tạp quy định vị trí trọng âm từ tiếng Anh** để giúp người học có thể nhớ nhanh hơn. Ngoài ra, bài viết cũng **phân loại các lỗi phát âm trọng âm của học viên người Việt** và thử đề xuất **hướng khắc phục**, để phần nào đáp

ứng được yêu cầu dạy và học tiếng Anh hiện nay.

**Tư liệu khảo sát** trong bài là loạt các từ gồm 6 từ đơn đa âm tiết thuộc 3 từ loại: danh từ, động từ, tính từ: *photo* [fəʊtəʊ] “bức ảnh”, *comfort* [kʌmfət] “tiện lợi”, *character* [kæriktə] “cá tính”, *entertain* [entə'tein] “giải trí”, *mimosa* [mi'mɒsə] “hoa mimosa”, *chorale* [kɔ'ra:l] “bản thánh ca”; cùng với 3 từ phái sinh: *photography* [fəʊ'tɒgrəfi] “bức ảnh”, *comfortable* [kʌmfətəbl] “tiện lợi”, *replenish* [ri'pleniʃ] “bổ sung”; và 5 từ ghép: *girl-friend* “bạn gái”, *bad-tempered* “nóng tính”, *second-class* “hạng thứ hai”, *North-East* “đông bắc”, *down-load* “tải xuống”. Các sinh viên chuyên ngữ (tiếng Anh; năm thứ 3 đã học qua môn Ngữ âm - Âm vị học) được chọn ngẫu nhiên làm cộng tác viên (CTV) thu âm các mẫu khảo sát (MKS), để đối chiếu với cách phát âm chuẩn (CPAC) trong tự điển âm thanh ‘Cambridge Advanced Learner Dictionary’ và

‘Multi Dictionary version 9.0 Huy Biên 2008’ bằng *Phương pháp so sánh - đối chiếu*. Quá trình thu âm được thực hiện tại Phòng thực nghiệm Ngữ âm học, trường Đại học KHXH và NV TP Hồ Chí Minh. *Phương pháp ngữ âm thực nghiệm*: Các cứ liệu được phân tích và miêu tả bằng phần mềm chuyên dụng phân tích tiếng nói SPEECH ANALYZER (SA), và PRAAT 5.05.12.

**2. Quy luật nhận diện trọng âm từ tiếng Anh**

2.1. Nguyên tắc chung về vị trí trọng âm từ tiếng Anh

Tiếng Anh là một ngôn ngữ được thừa hưởng từ các quy luật trọng âm cố định của Đức (*Germanic*) [8], với đặc điểm là trọng âm luôn được đặt vào âm tiết thứ 1 của căn tố, nhưng lại bị ảnh hưởng bởi tiếng Latin, tiếng Pháp và Ý; nên tiếng Anh đôi khi bị cảm nhận như là ngôn ngữ

không có quy luật trọng âm từ như tiếng Nga. Tuy nhiên, nhờ vào các yếu tố như kiểu loại từ (là từ đơn đa âm tiết, từ phái sinh và từ ghép) và số lượng âm tiết trong từ, vị trí trọng âm trong từ đa âm tiết tiếng Anh cơ bản có thể đoán được dù vẫn tồn tại vài ngoại lệ. Ngoài ra, vị trí trọng âm từ đa âm tiết tiếng Anh là cố định, [8], [10] hầu như không bị tác động bởi ngữ cảnh, mục đích phát ngôn và cấu trúc câu.

Như vậy, việc xác định trọng âm từ tiếng Anh được minh họa trong bảng 2.1, sẽ được căn cứ trên 2 cấp độ chính, tạo thành 3 loại từ:

- Từ đơn với sự phân biệt từ 2 âm tiết đến 3 âm tiết của 3 từ loại: danh từ, động từ, tính từ.
- Từ phức gồm 2 tiểu loại:
  - + Từ phái sinh với sự phân biệt các kiểu ảnh hưởng của tiền tố và hậu tố vào vị trí trọng âm.
  - + Từ ghép với sự phân biệt theo từ loại của các thành tố cấu tạo.

**Bảng 2.1: Các nguyên tắc trọng âm từ tiếng Anh**

Nguyên tắc trọng âm từ tiếng Anh trên cấp độ Hình thái				
Từ loại- số Âm tiết		Nguyên tắc	Vi dụ	
1. Từ đơn	2	<b>Động từ</b>	1. Nếu âm tiết thứ hai của Động từ chứa nguyên âm dài (hoặc nguyên âm đôi hoặc kết thúc với hơn 1 phụ âm, <b>ÂM TIẾT THỨ HAI</b> sẽ <b>NHẬN TRỌNG ÂM</b> . 2. Nếu âm tiết thứ hai của Động từ chứa nguyên âm ngắn hoặc nguyên âm đôi /əʊ/ và kết thúc với 1 hoặc không phụ âm, <b>ÂM TIẾT ĐẦU</b> sẽ <b>NHẬN TRỌNG ÂM</b>	‘apply’ əˈplai  ‘enter’ ˈentə ‘follow’ ˈfɒləʊ
		<b>Tính từ</b>	Theo nguyên tắc của Động từ: 1. __ ‘LongVow/Dip +2,3 cons 1. ‘ __shortVow/əʊ +1 cons <u>Ngoại lệ:</u> ‘ __shortVow/əʊ +2 cons	‘correct’ kəˈrekt ‘honest’ ˈɒnɪst ‘perfect’ ˈpɜːfɪkt or ˈpɜːfekt
		<b>Danh từ</b>	<b>Khác với động từ</b> 1. Nếu âm tiết thứ hai của danh từ chứa nguyên âm ngắn thì <b>ÂM TIẾT THỨ NHẤT</b> sẽ <b>NHẬN TRỌNG ÂM</b> ‘ __shortVow 3. Trường hợp ngược lại <b>ÂM TIẾT THỨ HAI</b> sẽ <b>NHẬN TRỌNG ÂM</b> .	‘money’ ˈmʌni ‘product’ ˈprɒdʌkt  ‘balloon’ bəˈluːn
	<b>Từ chức năng</b>	<b>Giới từ:</b> Theo nguyên tắc của <b>Động từ</b> và <b>Tính từ</b>	Between biˈtwiːn	

		Nguyên tắc và Loại phụ tố	Ví dụ
2. Từ phức	Tiền tố	- Không có tiền tố của từ đa âm tiết mang trọng âm chính - Trọng âm của từ có tiền tố bị chi phối bởi quy luật của những từ không có tiền tố - <b>Trường hợp đặc biệt:</b> Cặp từ cùng hình thức khác thể loại Nguyên tắc: Động từ và Danh từ/ Tính từ có cùng hình thức <b>Động từ: Âm tiết 2 nhận trọng âm</b> <b>Danh từ/ Tính từ: Âm tiết 1 nhận trọng âm</b>	1. 'abstract' æb 'strækt (v) 'æbstrækt (adj) 2. 'conduct' kɒn 'dʌkt (v) 'kɒndʌkt (n)
	Hậu tố	1/. <b>Bản thân hậu tố mang trọng âm:</b> Trọng âm ở âm tiết đầu của hậu tố . -ain, -ee, -eer, -ese, -ette, -esque, -ique 2/. <b>Những hậu tố không ảnh hưởng đến vị trí trọng âm :</b> -able, -age, -al, -en, -ful, -ing, -ANCE, -ANT, -ARY '-ish' (Đây là quy luật cho tính từ, đối lập với căn tố có nhiều hơn 1 âm tiết luôn nhận trọng âm ở âm tiết ngay trước 'ish') -like, -less, -ly, -ment, -ness, -ous, -fy, -y 3/. <b>Hậu tố ảnh hưởng đến trọng âm của căn tố :</b> -eous, -graphy, -ial, -ic, -ion, -ious, -ty	'entertain' entə 'teɪn 'comfort' 'kʌmfət 'comfortable' 'kʌmfətəbəl 'replenish' rɪ 'plenɪʃ 'photo' ' 'photography' fəʊtəʊ fəʊ 'tɒgrəfi
3. Từ ghép	Nguyên tắc và vị trí âm tiết nhận trọng âm		Ví dụ
	1	được kết hợp bởi hai danh từ.	Typewriter
	2	được kết hợp bởi hai tính từ, với tính từ thứ hai kết thúc bằng "ed"	'Bad-tempered
		được kết hợp bởi thành phần thứ nhất là số đếm hay số thứ tự, thành phần thứ hai thường là danh từ.	Three-'wheeler Second-'class
		có chức năng là trạng từ	North-'East
	có chức năng là động từ và có thành phần thứ nhất là trạng từ.	Down-'gate	

2.2. Quy luật nhận diện trọng âm từ tiếng Anh

Giao tiếp bằng tiếng Anh được thực hiện thông qua nhịp điệu (*rhythm*) và âm điệu (*melody*) và sự kết hợp của hai khía cạnh này có thể được gọi là ngôn điệu (*prosody*). Thuật ngữ 'Ngôn điệu' với quan điểm là tổng hòa của nhịp điệu như tín hiệu truyền đạt đến người nghe các ý tưởng khác nhau như câu hỏi hay câu mệnh lệnh; và âm điệu mang đến cảm giác về tâm trạng, cảm xúc trong lời nói; từ đó giúp người nghe có thể xác định đúng hàm ý của lời nói (*Implicature of a speech act*). Vì vậy, trọng âm có chức năng rất quan trọng, cơ bản là

+ Chức năng đánh dấu thông tin quan trọng: là làm ám hiệu cho người nghe nên nhận thông tin mới và những thông tin được cung cấp vì trọng âm và vị trí của trọng âm chính trên âm tiết đánh dấu sự quan trọng của thông tin cần truyền tải và nắm bắt của âm tiết hay từ chứa âm tiết đó, và cũng chính là phần quan trọng nhất của đơn vị giọng ngữ điệu.

+ Chức năng ngữ nghĩa: các vị trí khác nhau của trọng âm trên cùng một từ sẽ làm cho từ có ý nghĩa khác nhau hay trở nên những từ loại khác nhau. Và ngược lại, căn cứ vào vị trí trọng âm, người học sẽ xác định được nghĩa của từ cũng như từ loại của từ đó.

Tuy nhiên, trên thực tế, không thể phủ nhận tính phức tạp trong việc xác định trọng âm từ tiếng Anh với sự ảnh hưởng của nguyên tắc phân loại từ trên những căn cứ: cấp độ hình thái của từ, kiểu loại ngữ pháp và số lượng âm tiết trong từ, cũng như đặc điểm cấu trúc âm tiết, được xác định trên cơ sở mô hình nhịp điệu cơ bản (bảng 2.2).

**Bảng 2.2: Đối chiếu mô hình nhịp điệu Anh – Việt**

	MÔ HÌNH NHỊP ĐIỆU	
	TIẾNG ANH	TIẾNG VIỆT
Kiểu ngôn ngữ	Ngôn ngữ có trọng âm cách quãng đều nhau ( <i>stress-timed language</i> ) với các mẫu nhịp điệu dựa trên sự lặp lại khá thường xuyên của các âm tiết có trọng âm.	Ngôn ngữ đơn âm tiết cách quãng đều nhau ( <i>syllable-timed language</i> ), đó là các âm tiết có trọng lực cân bằng.
Công thức	{F = [S W]}	{N = [A]}
Ý nghĩa các chữ viết tắt	F = foot = bước, S = strong = mạnh, W = weak = yếu	N = nhịp A = âm tiết

Cơ sở của cấu trúc nhịp điệu tiếng Anh là sự tồn tại 2 kiểu âm tiết: âm tiết nhẹ và âm tiết mạnh [8], [10], được gọi là *Trochee: Trochaic foot*, là loại bước: 1 âm tiết dài – 1 âm tiết ngắn, cũng chính là âm tiết mạnh = âm tiết mang trọng âm và âm tiết nhẹ = âm tiết không mang trọng âm. Âm

tiết mạnh là âm tiết có một bộ vần phức tạp, gồm phụ âm đầu, phụ âm kết và hạt nhân là 1 nguyên âm ngắn, hoặc một nguyên âm dài hoặc nguyên âm đôi. Ngược lại, một âm tiết nhẹ chứa một âm vị nguyên âm trong phần vần, có hay không có âm khởi (ONSET) nhưng không có âm kết (CODA), như là âm tiết đầu tiên trong các từ *report*, *about*, vì các âm khởi hoàn toàn không liên quan với việc tính toán trọng lực âm tiết.

Vì vậy, trên cơ sở sự khác nhau về đặc điểm các kiểu cấu trúc âm tiết theo mô hình nhịp điệu, các quy luật nhận diện trọng âm từ đã được đúc kết một cách cơ bản và khá đơn giản, theo từng cấp độ [8], [10]:

**Cấp độ 1** - từ đơn nhiều âm tiết:

- Từ đơn nhiều âm tiết với sự phân biệt giữa các loại từ: danh từ, động từ, tính từ, với đặc điểm chung là những âm tiết chứa nguyên âm trung hòa hay nguyên âm đôi /əʊ/ thì không mang trọng âm, còn lại những âm tiết chứa nguyên âm ngắn nhưng phải kết thúc với ít nhất 1 phụ âm và âm tiết chứa nguyên âm dài thì luôn mang trọng âm. Cụ thể như sau:

a, Từ đơn 2 âm tiết đáp ứng được điều kiện là chỉ những âm tiết có chứa nguyên âm dài hay nguyên âm đôi hoặc kết thúc hơn 1 phụ âm, mới mang trọng âm, ví dụ: *photo* [fəʊtəʊ] “bức ảnh”, *chorale* [kɔːˈrɑ:l] “bản thánh ca”, *comfort* [kʌmfət] “tiện lợi”.

b, Nhưng đối với từ đơn 3 âm tiết thì có điểm đặc biệt là:

- Động từ 3 âm tiết: âm tiết đầu không bao giờ mang trọng âm. Và khi đó, âm tiết cuối mang trọng âm nếu chứa nguyên âm dài hay nguyên âm đôi hoặc kết thúc với hơn 1 phụ âm. Nhưng nếu âm tiết cuối của động từ chứa 1 nguyên âm ngắn và 1 hay không có phụ âm, âm tiết liền kề trước nó sẽ mang trọng âm, ví dụ: *entertain* [entəˈteɪn] “giải trí”.

- Danh từ và tính từ 3 âm tiết: âm tiết cuối không bao giờ mang trọng âm. Vì vậy, âm tiết đầu hay âm tiết giữa sẽ mang trọng âm khi âm tiết tiếp đó chứa nguyên âm dài hay nguyên âm đôi

hoặc kết thúc bằng hơn một phụ âm, như *character* [kærɪktə] “cá tính”, *mimosa* [miˈmɒsə] “hoa mimosa”.

**Cấp độ 2** - từ phức:

- Từ phái sinh với sự ảnh hưởng của các loại phụ tố như:

a, Các tiền tố đều không mang trọng âm, ngoại trừ tiền tố theo sau là tính từ (của cặp tiền tố + đ/ tt: trong trường hợp đặc biệt dưới đây) và việc xác định trọng âm sẽ theo nguyên tắc của từ đơn.

Trường hợp đặc biệt: Cặp từ loại: Word-class pairs: là các cặp từ 2 âm tiết đánh vần giống nhau nhưng khác nhau về vị trí nhận trọng âm hoặc nghĩa, phụ thuộc và từ loại: danh từ, động từ hay tính từ và vị trí trọng âm, theo quy luật: *Khi có một cặp từ gồm tiền tố+ căn tố; cả hai đều được đánh vần giống hệt nhau: một tiếng là động từ, tiếng kia là danh từ hay tính từ, thì trọng âm ở âm tiết HAI của ĐỘNG TỪ, còn trọng âm của DANH TỪ hay TÍNH TỪ thì ở âm tiết thứ NHẤT*, như *abstract* [æbˈstrækt] (v), [æbstrækt] (adj)

b, Các loại hậu tố gồm: các hậu tố luôn mang trọng âm (-ain, -ee, -eer, -ese, -ette, -esque, -ique) như *entertain* [entəˈteɪn] “giải trí”; hậu tố không mang trọng âm - có ảnh hưởng làm thay đổi vị trí trọng âm của từ (-eous, -graphy, -ial, -ic, -ion, -ious, -ty) như *photo* [fəʊtəʊ] → *photography* [fəʊˈtɒgrəfi] “bức ảnh” và không có sự ảnh hưởng đến vị trí trọng âm của từ (-able, -age, -al, -en, -ful, -ing) như *comfort* [kʌmfət] → *comfortable* [kʌmfətəbəl] “tiện lợi”; và hậu tố mà khi thêm vào thì âm tiết trước nó luôn mang trọng âm (-ish, -like, -less, -ly, -ment, -ness, -ous, -fy, -y) như *replenish* [riˈpleniʃ] “bổ sung”.

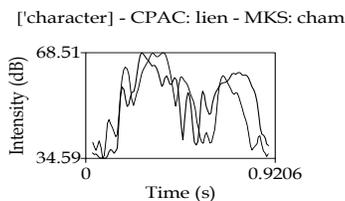
- Từ ghép với 2 vị trí mang trọng âm khác nhau: thành tố thứ nhất sẽ mang nếu từ ghép cấu thành từ 2 danh từ như *girlfriend* “bạn gái” và các trường hợp còn lại thì thành tố thứ 2 sẽ mang trọng âm như Tính từ + Tính từ (ed): *bad-tempered*

“nóng tính”, Số đếm/ Số thứ tự + Danh từ: *second-class* “cấp thứ hai”, có chức năng là trạng từ: *north-east* “đông bắc”, trạng từ + đt: chức năng là động từ: *down-load* “tải xuống”.

### 3. Đặc điểm phát âm trọng âm từ tiếng Anh của học viên Việt Nam

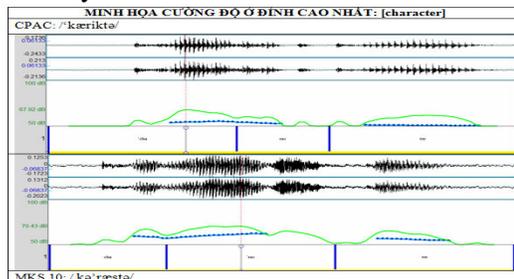
#### 3.1. Kết quả khảo sát thực nghiệm

Kết quả thực nghiệm từ *character* [kærikətə] “cá tính” trong sự đối chiếu đường nét thể hiện cường độ của MKS\_10 và CPAC, như sau:



**Hình 3.1:** Đường nét cường độ từ *character* của CPAC và MKS\_10

Đường nét cường độ của CPAC và MKS\_10 không trùng khớp nhau, CPAC có đỉnh cường độ lệch về phía trái do đặt vị trí trọng âm đúng vào âm tiết 1, trong khi đó MKS\_10 có đỉnh cường độ lệch về bên phải vì đã đặt sai vị trí trọng âm ở âm tiết thứ 2. Ngoài ra, MKS\_10 có hiệu số giữa 2 đỉnh 2 âm tiết (1 & 2) trong từ *character* [kærikətə] = -3.37dB, thấp nhất, đồng nghĩa với mức độ sai phạm về điệu tính cao nhất, đồng thời cũng thể hiện sai phạm về vị trí trọng âm, nên được chọn để đối chiếu với CPAC, và minh họa trong các phổ đồ dưới đây:



**Hình 3.2:** Dạng sóng âm, cường độ và cao độ từ *character* của CPAC đối chiếu với MKS\_10

Theo các thông số trên và tính trọng âm lực tiếng Anh, việc xác định trọng âm theo phổ đồ chủ yếu phải căn cứ vào cường độ. CPAC có cường độ ở đỉnh âm tiết thứ nhất: 67.92 dB; đỉnh âm tiết thứ 2: 54.39 dB, với hiệu số = 13.53dB. Trong khi đó, cường độ đo được ở đỉnh âm tiết thứ 1 của MKS\_10: 67.06 dB và đỉnh âm tiết thứ 2: 70.43 dB, với hiệu số = -3.37dB. Các thông số trên chứng minh rằng cường độ khi phát âm âm tiết thứ 1 của CPAC lớn hơn khá nhiều so với cường độ đo được ở đỉnh âm tiết thứ 2, thể hiện vị trí trọng âm ở âm tiết thứ nhất, với sự cách biệt = 13.53dB, [4, 7] đủ để tạo nên mô hình nhịp điệu có trọng âm là {F = [S W]}. Trong khi đó, lực phát ra cho 2 âm tiết của MKS\_10 hầu như ngang nhau, với sự cách biệt -3.37dB. Điều này chứng minh MKS\_10 đã phát âm vừa sai vị trí trọng âm, vừa không đủ để tạo nên mô hình nhịp điệu có trọng âm, vì cách phát âm này không thể hiện được sự khác nhau giữa âm tiết mạnh và âm tiết yếu, là mô hình nhịp điệu các âm tiết cân bằng: {N = [A]}.

Có thể thấy cách phát âm của MKS\_10 như vậy là không chính xác, do bị ảnh hưởng bởi đặc điểm tiếng mẹ đẻ (tiếng Việt). Việc xác định vị trí trọng âm từ tiếng Anh là một vấn đề khá phức tạp dẫn đến sai phạm này đã tồn tại khá phổ biến trong sinh viên người Việt. Cụ thể trong trường hợp khảo sát từ *character*, do thiếu kinh nghiệm nên CTV đã không nhìn ra âm tiết thứ nhất có chứa chữ *r* ở vị trí cuối âm tiết 1 nên chính là âm tiết mạnh, bắt buộc phải mang trọng âm. Và cho dù âm tiết thứ 3 cũng kết thúc bằng chữ *r* nhưng không phải là âm tiết mang trọng âm vì theo nguyên tắc trọng âm từ đơn đa âm tiết tiếng Anh thì âm tiết thứ 3 của danh từ 3 âm tiết không mang trọng âm.

#### 3.2. Các kiểu lỗi

Căn cứ trên kết quả khảo sát từ *character* là danh từ nên âm tiết cuối không mang trọng âm, nên chỉ đưa vào bài viết các MKS của CTV đã quán triệt được đặc điểm này nên để tránh sự phức tạp về số liệu, bảng kết quả khảo sát 1 chỉ thể hiện thông số cường độ 2 âm tiết 1 và 2 của từ, trong sự đối chiếu với CPAC.

**Bảng 3.1:** Đối chiếu thông số cường độ giữa CPAC và 12 MKS

Stt	Cứ phát âm	Cường độ			Lỗi điệu tính (A) Lỗi vị trí trong âm (B)	
		ÂM TIẾT 1	ÂM TIẾT 2	HIỆU SỐ		
	CPAC	67.92dB	54.39dB	13.53dB	CHÍNH XÁC	
1	MKS_10	67.06 dB	70.43 dB	-3.37dB	A + B	41.66%
2	MKS_12	69.13 dB	70.03 dB	-0.9 dB	A + B	
3	MKS_7	69.28 dB	72.01 dB	-2.73dB	A + B	
4	MKS_5	62.21 dB	65.25 Db	-3.04dB	A + B	
5	MKS_9	62.14 dB	66.02 dB	-3.38dB	A + B	
6	MKS_1	75.11 dB	72.01 dB	3.1 dB	A	33.33%
7	MKS_8	66.22 dB	61.05 dB	5.17dB	A	
8	MKS_6	64.03 dB	62.04 dB	1.99dB	A	
9	MKS_2	67.11 dB	65.55 dB	1.56dB	A	
10	MKS_3	61.22 dB	67.88 dB	-6.66dB	B	25%
11	MKS_4	65.04 dB	73.05 dB	-8.01dB	B	
12	MKS_11	59.21 dB	69.82 Db	-10.61dB	B	

Theo thông số kỹ thuật trên, các kiểu lỗi trọng âm của sinh viên Việt Nam có thể được phân thành 3 loại chính [4, 7, 8], theo bảng thống kê 3.2 sau

**Bảng 3.2:** Thống kê tỉ lệ các kiểu lỗi

STT	Đặc điểm kiểu lỗi của các MKS	Số lượng	Tỉ lệ
1	MKS Lỗi điệu tính (A)	03	25%
2	MKS Lỗi vị trí trong âm (B)	04	33.33%
3	MKS Lỗi điệu tính + Lỗi vị trí trong âm (A + B)	05	41.66%

**Kiểu lỗi 1: lỗi điệu tính:** Đó là khi sinh viên vẫn đặt trọng âm đúng vị trí nhưng phát âm với cường độ hầu như ngang nhau hay hiệu số cường độ giữa 2 hay các đỉnh âm tiết trong từ không đáng kể. Đó là trường hợp các MKS 1, 8, 6, 2, có hiệu số cường độ giữa đỉnh 2 âm tiết: 13.1 dBl, 15.17dBl, 11.99dBl, 11.56dBl < 6 dB nên sẽ không đáp ứng được mô hình nhịp điệu tiếng Anh: S W

**Kiểu lỗi 2: Lỗi vị trí trọng âm:** Đó là khi sinh viên đặt sai vị trí trọng âm. Có thể minh họa bằng các trường hợp MKS 3, 4, 11, có hiệu số cường độ giữa 2 đỉnh âm tiết: 1-6.66dBl, 1-8.01dBl,

1-10.61dBl >= 6 dB, tạm đáp ứng mô hình nhịp điệu tiếng Anh: S W

**Kiểu lỗi 3: Lỗi điệu tính và vị trí trọng âm:** sinh viên vừa đặt sai vị trí trọng âm vừa không đáp ứng được mô hình nhịp điệu tiếng Anh: S W, thể hiện qua MKS 12, 7, 5, 9 có hiệu số cường độ giữa 2 đỉnh âm tiết: 1-3.37dB, 1-0.9dBl, 1-2.37dBl, 1-3.04dBl, 1-3.38dBl < 6 dB.

3.3. Nguyên nhân sai phạm và hướng giải quyết

Nguyên tắc trọng âm từ tiếng Anh khá phức tạp khi phụ thuộc vào từ loại, vào số lượng âm tiết trong từ, có hay không có phụ tố. Chính vì vậy, sinh viên Việt Nam đa số không xác định được vị trí trọng âm từ đa âm tiết tiếng Anh.

Không chỉ vậy, sự khác biệt về mô hình nhịp điệu cơ bản nêu trên dẫn đến một thực tế là, do sự chuyển di, sinh viên người Việt thường phát âm tiếng Anh nghe không giống người Anh, nếu không chú ý đến đặc điểm nhịp, với sự đối lập: S: strong- mạnh; W: weak- yếu.

Vì vậy, yêu cầu đặt ra là học viên người Việt cần rèn luyện cách nhận biết được số lượng âm tiết trong từ, cụ thể là cần đếm âm tiết, cũng chính là phải chú ý đến sự phân biệt cường độ của các âm tiết, theo những điều cần ghi nhớ: {Âm tiết mạnh = âm tiết có một bộ vần phức tạp, gồm phụ âm đầu, phụ âm kết và hạt nhân là 1 nguyên âm ngắn, hoặc một nguyên âm dài hoặc nguyên âm đôi}, và: {Âm tiết yếu = âm tiết có một âm vị nguyên âm

trong phần vần, có hay không có phụ âm đầu nhưng không có phụ âm cuối}, để từ đó có thể tạo được tính nhịp điệu theo mô hình: {F = S W} (Trochee: Trochaic foot): Loại bước: 1 âm tiết dài – 1 âm tiết ngắn, khi phát âm các từ đa âm tiết có trọng âm tiếng Anh, dù vẫn tồn tại hai mô hình nhịp điệu sử dụng cho thi ca là WS: Iamb (Iambic foot): loại bước: 1 âm tiết ngắn – 1 âm tiết dài, và SWW: (Dactyl: Dactylic Foot): Loại bước: 1 âm tiết dài – 2 âm tiết ngắn. Sự đa dạng này đôi khi dẫn đến vài sự thay đổi vị trí trọng âm từ khi đặt vào ngữ đoạn để có thể đáp ứng được mô hình nhịp điệu thông thường như *thirteen* (WS) ‘player’ (SW), và để đáp ứng được mô hình nhịp điệu không phải trong thi ca, mà trong cuộc sống, người bản ngữ chấp nhận đôi trọng âm từ ‘thirteen để đáp ứng được nhịp SW-SW trong ngữ đoạn ‘thirteen ‘player.

Ngoài ra, để hạn chế lỗi giao thoa do chuyển di tiêu cực, học viên cần phải nhận biết được sự khác nhau: Mô hình nhịp điệu của tiếng Việt là {N = [A]}, (với trọng lực cho mỗi âm tiết [A] ngang nhau, cũng chính là một nhịp), và Mô hình nhịp điệu tiếng Anh là {F = [S W]}. Đó là do tiếng Việt là ngôn ngữ cân bằng về cường độ của các âm tiết (các tiếng), trong khi tiếng Anh là ngôn ngữ có trọng âm, cường độ của các âm tiết trong từ hoàn toàn không giống nhau. Trong tiếng Anh, âm tiết mang trọng âm [8, 10] luôn là âm tiết có một bộ vần phức tạp, gồm phụ âm cuối và hạt nhân là một nguyên âm ngắn, hoặc một nguyên âm dài hay nguyên âm đôi. Ngược lại, âm tiết không mang trọng âm luôn là một âm tiết nhẹ chứa một nguyên âm trong phần vần, có hay không có phụ âm đầu nhưng không có phụ âm cuối.

4. Tóm lại, trọng âm từ tiếng Anh được nhận diện qua một số tiêu chí như sau:

**Đặc điểm cấu trúc âm tiết:** chỉ có âm tiết mạnh mang trọng âm = phụ âm đầu, phụ âm cuối và hạt nhân là 1 nguyên âm ngắn, hoặc một nguyên âm dài hoặc nguyên âm đôi.

**Đặc điểm cấu trúc từ:** Từ đơn được căn cứ vào cấu trúc âm tiết. Từ phái sinh chịu sự ảnh hưởng của cả hai phụ tố: tiền tố không mang trọng âm; hậu tố luôn mang trọng âm và không mang trọng

âm - có và không có sự ảnh hưởng làm thay đổi vị trí trọng âm của từ. Từ ghép với 2 vị trí mang trọng âm: thành tố thứ nhất: 2 danh từ và thành tố thứ 2: 4 trường hợp còn lại.

**Tính nhịp điệu:** Từ đa âm tiết có trọng âm tiếng Anh phải được phát âm có tính nhịp điệu với mô hình: {F = S W}.

**Cường độ:** Trọng âm từ tiếng Anh được nhận diện chủ yếu bằng cường độ. Như vậy, bên cạnh trường độ và cao độ, cường độ (sự tăng cường lực âm học) là tiêu chí chính đánh dấu trọng âm từ tiếng Anh.

Hiểu và nhớ được 4 đặc điểm trên, học viên người Việt sẽ không (hoặc hạn chế) sai phạm 3 kiểu lỗi chính: lỗi điệu tính, lỗi vị trí trọng âm và lỗi điệu tính - vị trí trọng âm, khi nhận diện và phát âm từ tiếng Anh.

#### Tài liệu tham khảo

##### TIẾNG VIỆT:

1. Cao Xuân Hạo (2006), *Tiếng Việt, mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*. Nxb KHXH.
2. Đinh Lê Thu, Nguyễn Văn Huệ (1998), *Cơ cấu ngữ âm tiếng Việt*. Nxb Giáo dục.
3. Đoàn Thiện Thuật (1980), *Ngữ âm tiếng Việt*. Nxb Đại học và Trung học CN.

##### TIẾNG ANH:

4. Ashby, M and Maidment, J. (2005), *Introduce to phonetic science*. CUP.
5. Dalton, C. & B. Seidholfer. (1994), *Pronunciation*. Oxford. OUP
6. L.R. Zinder (1960), *Ngữ âm học đại cương*, Nxb Trường ĐHTH Leningrad (BD ĐHTH).
7. Ladefoged, P. (2005), *Phonetic data analysis*. Blackwell publishing Ltd.
8. McMahon A. (1988), *An introduction to English phonology*. Edinburgh UP.
9. N.V. Xtankêvich (1982), *Loại hình các ngôn ngữ*, Nxb ĐH và THCN, H.
10. Roach, P. (1998), *English phonetics and phonology*. The Youth Press, Vietnam.
11. Fry D. B. (1955), *Duration and intensity as physical correlates of linguistic stress*. J. Acoust. Soc. Am. 27, 765–768. doi: 10.1121/1.1908022.
12. Fry D. B. (1958), *Experiments in the perception of stress*. Lang Speech 1, 126–152.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 23-04-2012)